

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

Bản án số: 71/2017/HSST
Ngày 17/8/2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Kim Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Sở- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai;

Bà Vũ Thị Hòa- Cán bộ hưu trí xã Vạn Hòa, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai (Đường B2, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai). Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 69/2017/HSST ngày 07 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo.

Họ và tên: **Chu Đức A** - Sinh ngày 01/5/1987 tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 14, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 9/12;

Con ông: Chu Hồng Q- Sinh năm 1959 và bà: Nguyễn Thị K- Sinh năm 1966 (Đã chết). Trú tại: Tổ 14, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không;

Tiền án: 01 tiền án, cụ thể: Tại bản án số 26/2014/HSST ngày 05/3/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử 03 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đến nay chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lào Cai - Có mặt.

- *Người bị hại*: Anh Phạm Văn K- Sinh năm: 1996.

ĐKHKT: Xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 003, phố T, tổ 17, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Văn D- Sinh năm: 1990.

ĐKHKT và chỗ ở: Tổ 25, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người làm chứng*: Chị Trần Thị T- Sinh năm: 1983.

ĐKHKT và chỗ ở: Tổ 24B, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Chu Đức A bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Chu Đức A và anh Phạm Văn K có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Khoảng 13 giờ ngày 10/02/2017, Chu Đức A đi xe taxi đến phòng trọ của anh Phạm Văn K mục đích để ngủ nhờ. Khi đến nơi, thấy xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn vàng đen biển kiểm soát 24P1-793.33 của anh Phạm Văn K dựng ở ngoài hành lang, đầu xe quay vào trong, đuôi xe quay ra ngoài đường. Chu Đức A đi đến phòng trọ thì thấy cửa phòng cài chốt bên trong nên Chu Đức A thò tay qua ô vuông bên cạnh mở chốt cửa rồi đi vào thì thấy anh Phạm Văn K đang ngủ trên gác xép và nhìn thấy chìa khóa xe máy để trong mũ bảo hiểm cùng ví tiền trong túi quần bỏ để dưới phản gỗ kê dưới nền nhà nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Chu Đức A ngồi xuống lấy chìa khóa và chiếc ví tiền lên kiểm tra thấy bên trong có 1.600.000 đồng, 01 giấy phép lái xe, 01 đăng ký xe máy, 01 chứng minh nhân dân, 01 bảo hiểm xe máy đều mang tên Phạm Văn K. Chu Đức A cất ví vào túi quần bỏ phía sau bên phải đang mặc và cầm chìa khóa đi ra đóng cửa chốt bên ngoài rồi mở ổ khóa điện dắt lùi xe ra đường Tân Thuật và điều khiển xe đi đến quán Internet của chị Trần Thị T chơi điện tử. Tại đây, Chu Đức A nhờ chị Trần Thị T tìm người để cầm cố chiếc xe máy, chị Trần Thị T đã gọi điện cho Nguyễn Văn D. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Chu Đức A đã bán chiếc xe trên cùng đăng ký xe máy cho Nguyễn Văn D được 14.000.000 đồng. Số tiền trộm cắp được và số tiền bán xe, Chu Đức A đã chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra bị cáo Chu Đức A khai nhận: Bị cáo và anh Phạm Văn K có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Khoảng 13 giờ ngày 10/02/2017, bị cáo đi xe taxi đến phòng trọ của anh Phạm Văn K mục đích để ngủ nhờ. Khi đến nơi, thấy xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn vàng đen biển kiểm soát 24P1-793.33 của anh Phạm Văn K dựng ở ngoài hành lang, bị cáo đi đến phòng trọ thì thấy cửa phòng cài chốt bên trong nên thò tay qua ô vuông bên cạnh mở chốt đi vào thấy anh Phạm Văn K đang ngủ trên gác xép và nhìn thấy chìa khóa xe máy để trong mũ bảo hiểm cùng ví tiền trong túi quần bỏ để dưới phản gỗ kê dưới nền nhà nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo ngồi xuống lấy chìa khóa và chiếc ví tiền lên kiểm tra thấy bên trong có 1.600.000 đồng, 01 giấy phép lái xe, 01 đăng ký xe máy, 01 chứng minh nhân dân, 01 bảo hiểm xe máy đều mang tên Phạm Văn K. Bị cáo cất ví vào túi quần bỏ phía sau bên phải đang mặc và cầm chìa khóa đi ra đóng cửa chốt bên ngoài rồi dùng chìa khóa xe máy mở ổ khóa điện, điều khiển xe đi đến quán Internet của chị Trần Thị T chơi điện tử. Tại đây, bị cáo nhờ chị Trần Thị T tìm người để cầm cố chiếc xe máy, chị Trần Thị T đã gọi điện cho anh Nguyễn Văn D, đến khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo đã bán chiếc xe cùng đăng ký xe máy cho anh Nguyễn Văn D được 14.000.000 đồng. Số tiền trộm cắp được và số tiền bán xe, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 16/5/2017, anh Nguyễn Văn D đã giao nộp chiếc xe trên cùng đăng ký xe máy cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lào Cai để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/5/2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lào Cai đã ra quyết định trưng cầu định giá tài sản bị xâm hại. Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 22/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Lào Cai kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn vàng đen biển kiểm soát 24P1-793.33 có giá trị 16.590.000 đồng.

Đối với 01 chiếc ví bên trong có 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 bảo hiểm xe máy, bị cáo không nhớ để ở đâu nên không thu hồi được để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 69/KSĐT ngày 06/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai truy tố bị cáo Chu Đức A về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ thực hiện hành vi của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 138; Điểm g, p khoản 1 Điều 46, điểm g

khoản 1 điều 48- Bộ luật hình sự năm 1999 tuyên bố bị cáo Chu Đức A phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo mức án tù 12 tháng đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Ngày 05/6/2017, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn vàng đen biển kiểm soát 24P1-793.33 kèm theo đăng ký xe cho anh Phạm Văn K. Sau khi nhận lại tài sản anh Phạm Văn K không yêu cầu Chu Đức A phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự. Đối với 01 chiếc ví bên trong có 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh nhân dân, 01 bảo hiểm xe máy đều mang tên Phạm Văn K đến nay không thu hồi được để trả cho anh Phạm Văn K. Anh Phạm Văn K đã làm lại giấy tờ và chiếc ví không còn giá trị sử dụng nên không yêu cầu định giá cũng như bồi thường về trách nhiệm dân sự nên không xem xét giải quyết. Đối với số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nhưng đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 14.000.000 đồng Nguyễn Văn D đã mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn vàng đen biển kiểm soát 24P1-793.33 của Chu Đức A. Bị cáo chưa bồi thường lại số tiền trên cho anh Nguyễn Văn D nên cần yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn D là phù hợp quy định tại Điều 42- Bộ luật hình sự và điều 584, điều 589- Bộ luật dân sự.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa bị cáo Chu Đức A khai nhận: Bị cáo và anh Phạm Văn K có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Khoảng 13 giờ ngày 10/02/2017, bị cáo đi xe taxi đến phòng trọ của anh Phạm Văn K mục đích để ngủ nhờ. Khi đến nơi, thấy xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn vàng đen biển kiểm soát 24P1-793.33 của anh Phạm Văn K dựng ở ngoài hành lang, bị cáo đi đến phòng trọ thì thấy cửa phòng cài chốt bên trong nên thò tay qua ô vuông bên cạnh mở chốt đi vào thấy anh Phạm Văn K đang ngủ trên gác xép và nhìn thấy chìa khóa xe máy để trong mũ bảo hiểm cùng ví tiền trong túi quần bỏ để dưới phản gỗ kê dưới nền nhà nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo ngồi xuống lấy chìa khóa và chiếc ví tiền lên kiểm tra bên trong có 1.600.000 đồng, 01 giấy phép lái xe, 01 đăng ký xe máy, 01 chứng minh nhân dân, 01 bảo hiểm xe máy đều mang tên Phạm Văn K. Bị cáo cất ví vào túi quần bỏ phía sau

bên phải đang mặc và cầm chìa khóa đi ra đóng cửa chốt bên ngoài rồi dùng chìa khóa xe máy mở ổ khóa điện, điều khiển xe đi đến quán Internet của chị Trần Thị T chơi điện tử. Tại đây, bị cáo nhờ chị Trần Thị T tìm người để cầm cố chiếc xe máy, chị Trần Thị T đã gọi điện cho anh Nguyễn Văn D, đến khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo đã bán chiếc xe trên cùng đăng ký xe máy cho anh Nguyễn Văn D được 14.000.000 đồng. Số tiền trộm cắp được và số tiền bán xe, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở khi anh Phạm Văn K ngủ trong nhà, dựng xe trước cửa phòng, chìa khóa và ví để ở trong mũ bảo hiểm để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản bị xâm hại là 18.190.000 đồng (Mười tám triệu một trăm chín mươi nghìn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138- Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương; Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng thiếu ý thức chấp hành pháp luật, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, có nhân thân xấu, năm 2014 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử 03 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đến nay chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội, vì vậy cần áp dụng điểm g khoản 1 điều 48- Bộ luật hình sự xét xử bị cáo với một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung. Xong, xét thấy bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai nhận về hành vi của mình nên cần áp dụng điểm g, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với anh Nguyễn Văn D ngày 10/02/2017 đã mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn vàng đen biển kiểm soát 24P1-793.33. Quá trình điều tra xác định anh Nguyễn Văn D không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên không có cơ sở để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với chị Trần Thị T là người giới thiệu anh Nguyễn Văn D cho bị cáo Chu Đức A bán chiếc xe máy ngày 10/02/2017. Quá trình điều tra xác định chị Trần Thị T

không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên không có cơ sở để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng vụ án: Ngày 05/6/2017, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn vàng đen biển kiểm soát 24P1-793.33 kèm theo đăng ký xe cho anh Phạm Văn K. Đối với 01 chiếc ví bên trong có 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh nhân dân, 01 bảo hiểm xe máy đều mang tên Phạm Văn K đến nay không thu hồi được để trả cho anh Phạm Văn K. Anh Phạm Văn K đã làm lại giấy tờ và chiếc ví không còn giá trị sử dụng nên không yêu cầu định giá cũng như bồi thường về trách nhiệm dân sự nên không xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 1.600.000 đồng bị cáo lấy trong ví của anh Phạm Văn K, anh Phạm Văn K không yêu cầu Chu Đức A phải bồi thường, xong xét thấy đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp điều 41- Bộ luật hình sự. Đối với số tiền 14.000.000 đồng anh Nguyễn Văn D đã mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn vàng đen biển kiểm soát 24P1-793.33 của Chu Đức A. Bị cáo chưa bồi thường số tiền trên cho anh Nguyễn Văn D nên cần yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn D là phù hợp quy định tại điều 42- Bộ luật hình sự và khoản 1 điều 584, khoản 1 điều 585, khoản 1 điều 589- Bộ luật dân sự.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố bị cáo Chu Đức A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm g, p khoản 1 điều 46; Điểm g khoản 1 điều 48- Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Chu Đức A 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2017.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 42- Bộ luật hình sự, khoản 1 điều 584, khoản 1 điều 585, khoản 1 điều 589- Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Chu Đức A phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn D số tiền 14.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bị cáo không thi hành xong khoản tiền bồi thường trách nhiệm dân sự thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng điều 41- Bộ luật hình sự truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) do bị cáo Chu Đức A phạm tội mà có.

Về án phí: Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bị cáo Chu Đức A phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 700.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSTP; VKS tỉnh;
- CATP;
- TTG Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp; THAHS;
- Chi cục THADS;
- Lưu HS.

Cao Kim Hoàn